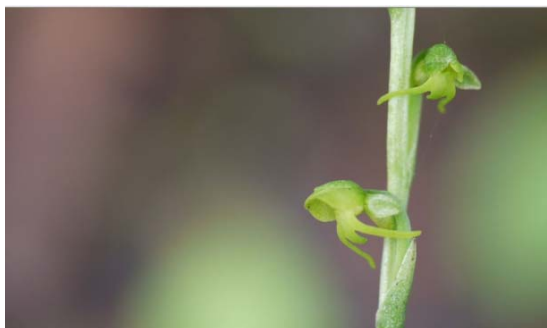


Peristylus Benth. & Hook. f. 1883

Trên thế giới có gần 200 giống, Việt nam có 12.

1 *Peristylus aristatus* Lindl. 1835



Ảnh: Orchid species



Ảnh: Orchid species

Tên Việt: Chu thur (PHH), Nhụy vòng (TH).

Mô tả: Địa lan thân ngắn, lá 5-6 chiếc. Chùm hoa ở ngọn dài 20-30 phân.

Nơi mọc: Lâm Đồng?

2 *Peristylus calcaratus* (Rolfe) S.Y.Hu 1973

Đồng danh: *Habenaria calcarata* (Rolfe) Schltr. 1919; *Habenaria lilungshania* S.S.Ying 1992; *Platanthera pricei* Hayata 1914.



Ảnh: 89sky.net



Ảnh: hkwildlife.net

Tên Việt: Chu thur cựa (PHH), Nhụy vòng râu dài (TH).

Mô tả: Địa lan cao-50 phân, lá 3-5 chiếc, chùm hoa cao 15-40 phân, hoa 15-20 chiếc, to 3-4 phân, nở vào mùa Hạ-Thu.

Nơi mọc: Sơn La, Lai Châu, Lào Cai, Lâm Đồng.

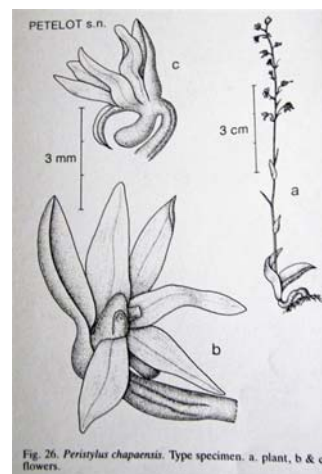
Peristylus candidus J.J.Sm. 1905 - xin xem *Peristylus maingayi* (King & Pantl.) J.J.Wood & Ormerod 2001.

3 *Peristylus chapaensis* (Gagnep.) Seidenf 1977

Đồng danh: *Habenaria chapaensis* Gagnep.

Chưa tìm thấy ảnh và tư liệu.

Hình vẽ: Petelot



4 *Peristylus constrictus* (Lindl.) Lindl. 1835

Đồng danh: *Habenaria constricta* (Lindl.) Hook.f. 1890; *Habenaria cylindrocalyx* Gagnep. 1931; **Herminium constrictum* Lindl 1832.



Ảnh: Orchidfoto.com



Ảnh: wii.gov.in/publications

Tên Việt: Chu thư thất (PHH), Nhụy vòng giây (TH).

Mô tả: Địa lan cao tới 80 phân, lá 5-6 chiếc. Chùm hoa dài 10-35 phân, hoa to 1.5, mọc chi chít, hương thơm ngọt dịu, nở vào cuối Xuân, đầu Hạ.

Nơi mọc: Gia Lai, Lâm Đồng, Di Linh, Đồng Nai.

5 *Peristylus densus* (Lindl.) Santapau & Kapadia 1960

Đồng danh: *Habenaria atramentaria* Kraenzl. 1921; *Habenaria buchneroides* Schltr. 1919; *Habenaria dankiaensis* Gagnep. 1932; *Habenaria evrardii* Gagnep. 1931; *Habenaria passerina* (Gagnep.) Tang & F.T.Wang 1951;; *Peristylus xanthochlorus* Blatt. & McCann 1932.

Tên Việt: Chu thư đầy (PHH), Nhụy vòng hẹp (TH).

Mô tả: Địa lan, thân cao 40-50 phân, lá 2-3 chiếc. Chùm hoa cao 10-40 phân, hoa to 1-2 phân, nở vào mùa Hạ-Thu.

Nơi mọc: Langbian, Lâm Đồng, Núi Chứa Chan, Bà Rịa.

Ảnh: magnoliathailand.com



6 *Peristylus goodyeroides* (D.Don) Lindl. 1835

Đồng danh: *Habenaria hayataeana* Schltr. 1919; *Habenaria hollandiae* (J.J.Sm.) Schltr. 1911; *Habenaria lauterbachii* Kraenzl. ex K.Schum. & Lauterb. 1900; *Peristylus sphaerocentron* Tang & F.T.Wang 1951.



Ảnh: orchidsonline.com.au



Ảnh: orchidsonline.com.au

Tên Việt: Chu thư dạng (PHH), Nhụy vòng thái (TH).

Mô tả: Địa lan, cao 50-60 phân, lá 3-4 chiếc. Chùm hoa cao 20-30 phân, hoa to 5-10 ly mọc dày, nở vào cuối Xuân, đầu Hạ, hương thơm diu.

Nơi mọc: Lâm Đồng, Đồng Nai.

7 *Peristylus holttumii* Seidenf. 1977

Đồng danh: *Habenaria sumatrana* var. *major* Holttum 1947.

Tên Việt: Nhụy vòng Đà Lạt (TH).

Mô tả: Địa lan nhỏ, lá 3 chiếc, chùm hoa cao 15-30 phân, hoa 5-10 chiếc, to 5 ly, nở vào mùa Hạ.

Nơi mọc: Lâm Đồng, Đà Lạt.

Ảnh: pflanzen-im-web.de

8 *Peristylus lacertiferus* (Lindl.) J. J. Sm 1927.

Đồng danh: *Coeloglossum lacertiferum* Lindl. 1835; *Habenaria lacertifera* (Lindl.) Benth. 1861.

Tên Việt: Chu thư môi xẻ (PHH).

Mô tả: Địa lan cao 20-35 phân, 2-3 lá dài 5-8 phân. Chùm hoa cao 10-20 phân, hoa 10-15 chiếc, to 5 ly nở vào mùa Thu.

Nơi mọc: Kiên Giang, Phú Quốc.

Ảnh: Nguyễn thiện Tịch



Peristylus langbianensis (Gagnep.) Tang & F.T.Wang 1951 - See *Peristylus maingayi* (King & Pantl.) J.J.Wood & Ormerod 2001.

9 *Peristylus maingayi* (King & Pantl.) J.J.Wood & Ormerod 2001

Đồng danh: *Habenaria candida* (J.J.Sm.) Masam. 1942; *Habenaria geoffrayi* Gagnep. 1931; *Habenaria langbianensis* Gagnep. 1931.

Tên Việt:

Mô tả: Địa lan cao 20-30 phân, lá 2-3 chiếc. Chùm hoa cao 15-45 phân, hoa 8-15 chiếc, to 6-7 ly, nở vào mùa Thu.

Nơi mọc:

Ảnh: Orchid species



10 *Peristylus parishii* Rchb.f. 1874

Đồng danh: *Habenaria parishii* (Rchb.f.) Hook.f. 1890.



Ảnh: orchidsonline.com.au



Ảnh: orchidsonline.com.au

Tên Việt: Chu thư Parish (PHH), Nhụy vòng trung (TH).

Mô tả: Địa lan cao 30 phân, lá 4-5 chiếc. Chùm hoa cao 20-30 phân, hoa 20-30 chiếc, to 5 ly, nở vào mùa Xuân-Hạ.

Nơi mọc: Thừa Thiên, Huế, Lâm Đồng.

11 *Peristylus prainii* (Hook.f.) Kraenzl.1898

Đồng danh: *Habenaria prainii* Hook. f. 1890.

Tên Việt: Chu thư Prain (PHH), Nhụy vòng tĩn túc (TH).

Mô tả: Địa lan cao 30-60 phân, lá 3- 4 chiếc. Chùm hoa cao 5-15 phân, hoa 15-20 chiếc, to 4 ly nở vào mùa Hạ.

Nơi mọc: Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Cao Bằng, Lạng Sơn.

Ảnh: Tripetch P.



12 *Peristylus tentaculatus* (Lindl.) J.J.Sm. 1905

Đồng danh: *Habenaria garrettii* Rolfe ex Downie 1925; *Habenaria tentaculata* (Lindl.) Rchb.f. 1878; *Habenaria tipulifera* C.S.P.Parish & Rchb.f.1874; *Peristylus brandisii* (Hook.f.) Kraenzl. 1898; *Peristylus garrettii* (Rolfe ex Downie) J.J.Wood & Ormerod 2003; *Peristylus tipuliferus* (C.S.P.Parish & Rchb.f.) Mukerjee 1953.

Tên Việt: Chu thư vôi (PHH), Nhụy vòng xanh (TH).

Mô tả: Địa lan cao 2-30 phân, lá 3 chiếc. Chùm hoa cao 10-15 phân, hoa trên 20 chiếc, to 5 ly, nở vào mùa Thu.

Nơi mọc: Lào Cai, Cao Bằng, Quảng Ninh, Ninh Bình, Đà Lạt.

Ảnh: hkplants.com

